

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Trường mầm non Bé Văn Đàn,
phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 26/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13/02/2025 của HĐND thành phố Sơn La về việc hủy bỏ, bổ sung chủ trương đầu tư các dự án trên địa bàn thành phố Sơn La, giai đoạn 2025-2027;

Căn cứ Nghị quyết số 526/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của ngân sách cấp tỉnh (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của ngân sách cấp tỉnh (đợt 1); Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung liên quan đến các dự án Trường Mầm non Bé Văn Đàn và Trường Mầm non Quyết Thắng (đã được quyết định chủ trương đầu tư tại các Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13/02/2025 và Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 17/3/2025 của HĐND thành phố Sơn La trước đây);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 479/TTr-SXD ngày 12/9/2025, Thông báo kết quả thẩm định số 3505/SXD-QLXD ngày 11/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Trường Mầm non Bé Văn Đàn, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La, với những nội dung chủ yếu như sau:

- 1. Tên dự án:** Trường Mầm non Bé Văn Đàn, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.
- 2. Địa điểm xây dựng:** Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.
- 3. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.
- 4. Chủ đầu tư:** UBND phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La; địa chỉ: Số 89, đường Lê Thái Tông, tổ 2, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.
- 5. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:** Công ty cổ phần Quốc Tế Tây Bắc; địa chỉ: Số 32, ngõ 61, đường Lê Đức Thọ, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.
- 6. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:**
 - Dự án nhóm C;
 - Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III;
 - Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: Không nhỏ hơn 50 năm.
- 7. Mục tiêu dự án:** Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học, từng bước đưa nhà trường đạt chuẩn các mức độ của ngành giáo dục.
- 8. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế**

8.1. *Quy mô đầu tư xây dựng*: Đầu tư xây mới nhà hợp khối 2 tầng với diện tích xây dựng khoảng 1.885m^2 bao gồm nhà lớp học, nhà hiệu bộ, nhà bếp...; hệ thống PCCC; trang thiết bị đồng bộ và các hạng mục phụ trợ (*sân, cổng, tường rào, nhà để xe...*).

8.2. *Giải pháp thiết kế tổng mặt bằng*: Các hạng mục công trình được đầu tư xây dựng trong khu đất có diện tích 4.714m^2 tại tổ 4 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La; phía Bắc và phía Nam giáp đường Hoàng Văn Thụ, khu dân cư hiện trạng; phía Đông giáp khu dân cư hiện trạng, phía Tây giáp đường Hoàng Văn Thụ. Trong tổng mặt bằng dự kiến xây dựng các hạng mục theo chủ trương được duyệt bao gồm: Nhà chính với quy mô 420 trê (nhà hiệu bộ, lớp học, bếp ăn), sân vườn, cây xanh cảnh quan. Các chỉ tiêu quy hoạch chính của khu đất: Mật độ xây dựng 40%; hệ số sử dụng đất: 0,86 lần; số tầng cao: 2 tầng; chiều cao công trình 10,2m.

8.3. *Giải pháp thiết kế hạ tầng kỹ thuật*: Quy hoạch giao thông, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo tuân thủ theo đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La đến năm 2045 và đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu đô thị sinh thái Hua La, thành phố Sơn La đã được phê duyệt, cụ thể:

8.3.1. *Giải pháp thiết kế giao thông*

- Giao thông đối ngoại: Tuyến đường Hoàng Văn Thụ có $B_n=17,5\text{m}$, $B_m=7,5\text{m}$, $B_h=(2 \times 5)\text{m}$; chỉ giới xây dựng lùi 3,0m so với chỉ giới đường đỏ;
- Giao thông nội bộ: Sử dụng kết hợp với sân, đường bê tông bố trí trong khu đất đảm bảo giao thông thuận tiện; bố trí bãi đỗ xe kết hợp với khu cây xanh.

8.3.2. *Giải pháp thiết kế san nền*: Đảm bảo độ dốc theo tiêu chuẩn thiết kế, đảm bảo thoát nước mặt nhanh chóng theo hướng dốc về phía Đông Nam-Tây Bắc ra đường Hoàng Văn Thụ; tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đào đắp, chiều cao đào đắp và khoảng cách vận chuyển đất. Cốt san nền vị trí nhà trung bình 637,5 m (cao hơn cốt mặt đường đường Hoàng Văn Thụ trung bình khoảng 0,5 m); hướng dốc ra đường Hoàng Văn Thụ với độ dốc dọc trung bình 0,6%.

8.3.3. *Giải pháp thiết kế hệ thống thoát nước mưa*

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy và tính toán để không gây ảnh hưởng đến các lưu vực thoát nước xung quanh và khu vực hiện trạng giáp ranh với khu đất;
- Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải là 2 hệ thống thoát nước nước riêng; Mạng lưới thoát nước mưa thiết kế theo định hướng san nền và hướng dốc địa hình tự nhiên, nước mưa được thu gom về rãnh thoát nước chung trên tuyến đường Hoàng Văn Thụ.

8.3.4. Giải pháp thiết kế thoát nước thải: Nước thải từ công trình trước khi thoát ra hệ thống thoát nước thải được xử lý cục bộ qua hệ thống bể xử lý, bể tự hoại của công trình đảm bảo theo tiêu chuẩn trước khi thoát ra hệ thống xử lý nước thải chung. Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt $2,4\text{m}^3/\text{ngày, đêm}$; tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải tối thiểu đạt 90%.

8.3.5. Giải pháp thiết kế hệ thống cấp nước ngoài nhà

- Nguồn nước cấp cho dự án được đầu nối từ mạng lưới cấp nước sạch của khu vực, việc đầu nối cấp nước cho dự án đã được Công ty cổ phần cấp nước Sơn La chấp thuận tại Công văn số 666/CN-SL ngày 25/8/2025;

- Cấp nước PCCC: Nguồn nước phục vụ cho công tác PCCC được đầu nối từ các trụ cấp nước chữa cháy theo quy hoạch, đường ống cấp nước đi ngầm dưới nền sân cấp về các vị trí hòng chữa cháy vách tường; lưu lượng nước cấp đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn về cấp nước PCCC; trong khuôn viên dự án bố trí bể cấp nước PCCC thể tích khoảng 70m^3 để đảm bảo nguồn cấp nước chữa cháy.

8.3.6. Giải pháp thiết kế hệ thống cấp điện

- Nguồn điện: Tổng nhu cầu cấp điện của dự án theo quy hoạch khoảng 76,3kVA; mạng lưới điện trung áp sử dụng mạng hiện trạng đã có cấp đến trạm biến áp và cấp đến các khu chức năng đã được chấp thuận đầu nối tại Công văn số 122/KVTOH-TKHKT ngày 22/8/2025 của Đội quản lý điện lực khu vực Tô Hiệu - Công ty Điện lực Sơn La;

- Hệ thống chiếu sáng ngoài nhà: Sử dụng đèn cao áp led loại tiết kiệm điện lắp trên cột thép hoặc gắn trực tiếp vào các công trình, đảm bảo cho chiếu sáng giao thông và bảo vệ.

8.3.7. Giải pháp thiết kế hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt.

8.4. Giải pháp thiết kế chủ yếu

8.4.1. Hạng mục Nhà hợp khối 2 tầng: Diện tích xây dựng 1.885m^2 ; tổng diện tích sàn 4.068m^2

- Kiến trúc: Nhà 02 tầng, thiết kế dạng hợp khối tạo thành vòng khép kín liền mạch, bước gian bao gồm: 3,5m, 3,7m, 7,0m; bước nhịp bao gồm: 3,5m và 10,5m; hành lang kết hợp sân chơi rộng 3,25m. Cao độ nền nhà cốt $\pm 0,00$ cao hơn cốt sân 0,6m; chiều cao tầng 1 (tính từ cốt $\pm 0,00$) là 3,7m; chiều cao tầng 2 là 3,6m; chiều cao nhà tính từ cốt $\pm 0,00$ đến mặt sân mái là 10,2m. Tầng 1 bố trí 06 phòng lớp học (quy mô 30-35 học sinh/lớp), khu hành chính hiệu bộ (phòng làm việc, hành chính quản trị, y tế...), bếp ăn...; tầng 2 bố trí 08 phòng học, 02 phòng học chức năng. Trong nhà bố trí 04 cầu thang bộ tại các vị trí trục: C-D-

5-7, C-D-13-15, J-K-5-7, J-K-13-15; lan can cầu thang, lan can hành lang bằng thép inox tổ hợp hàn, chiều cao đảm bảo theo tiêu chuẩn. Tường lãn sơn trang trí; hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa khuôn thép định hình kết hợp cửa khuôn nhôm hợp kim chất lượng cao kính 2 lớp; lan can cầu thang, hành lang, hoa sắt bằng thép hộp tổ hợp hàn sơn 3 nước chống gỉ; bậc cầu thang, tam cấp lát đá; nền nhà lát gạch ceramic;

- Kết cấu: Móng đơn, dầm móng, cột, dầm, sàn đổ toàn khối bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250); nền đổ bằng bê tông xi măng cấp độ bền B12,5 (mác 150) dày 10cm. Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm. Phần mái khu sân trường và mái chống kết cấu bao gồm: Mái lợp tôn mũi dày 0,4mm/xà gỗ thép hộp/vì kèo thép hình tổ hợp hàn sơn 3 nước chống gỉ; mái liên kết với hệ dầm mái bằng liên kết hàn, hệ bu lông và bản mã;

- Cấp điện: Được đầu nối từ hệ thống cấp điện của khu vực về tủ điện tổng của nhà, từ tủ điện tổng phân phối tới tủ điện các phòng và các thiết bị điện; dây dẫn đi chìm trong ống gen;

- Thu lôi chống sét: Hệ thống thu sét tia tiên đạo được đặt trên mái nhà với cột đỡ kim cao 5m được thiết kế bao gồm 01 kim thu sét LIVA LAP-BX125, bán kính bảo vệ 65m; dây dẫn sét bằng cáp đồng trần luôn trong ống nhựa bảo hộ PVC $\Phi 27$, cọc tiếp địa thép hình, bộ phận tiếp địa $\leq 10\Omega$;

- Cấp nước: Được đầu nối từ nguồn cấp của khu vực về bể chứa bằng inox đặt trên mái, nước từ bồn chứa nước trên mái cấp xuống các thiết bị sử dụng;

- Thoát nước: Nước thoát từ các xí, tiểu khu vệ sinh được thu về ống thoát nước riêng chảy về bể tự hoại, nước được xử lý và thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Bể tự hoại: Được bố trí ngoài nhà, thu và xử lý sơ bộ nước thải từ khu vệ sinh;

- Phòng cháy chữa cháy: Được thiết kế với phương án chữa cháy kết hợp trong nhà và ngoài nhà, chữa cháy bằng nước kết hợp hệ thống bình bọt chữa cháy, họng chữa cháy vách tường, hệ thống báo khói báo cháy tự động, hệ thống đèn cảnh báo sự cố, đèn chỉ dẫn lối thoát nạn; giải pháp thiết kế cơ bản đã tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế về khoảng cách an toàn phòng cháy, lối thoát nạn, khoảng cách an toàn chống cháy lan.

8.4.2. Các hạng mục phụ trợ:

- Bể nước PCCC: Kích thước bể 9,8x4x2,25m (DxRxC); đáy, tường, nắp bể bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250); tường, đáy bể trát láng vữa xi măng mác 75 dày 2cm, bề mặt lãn 3 nước dung dịch chống thấm chuyên dụng;

- Nhà đặt máy bơm (phục vụ cấp nước sinh hoạt và chữa cháy): Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 6,3m²; móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75, giằng

móng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200), nền nhà bằng bê tông xi măng cấp độ bền B12,5 (mác 150); tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; sàn mái đổ toàn khối bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) đánh dốc về ống thu nước; cửa đi, cửa sổ bằng khuôn thép định hình;

- Cổng chính: Chiều rộng 8,1m (tính từ tim 2 trụ cổng); móng, trụ cổng bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200), trụ xây bao bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75, bề mặt ốp đá granite. Cánh cổng chính bằng thép inox chạy điện tự động trên ray sắt chôn ngầm dưới nền sân; cánh cổng mở phụ bằng thép hộp tổ hợp hàn, sơn 3 nước chống rỉ;

- Cổng phụ: Chiều rộng 4,74m (tính từ tim 2 trụ cổng); móng, trụ cổng bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200), trụ xây bao bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75, bề mặt ốp đá granite. Cánh cổng bằng thép hình tổ hợp hàn, sơn 3 nước chống rỉ, cánh cổng mở lùa trên ray thép chôn ngầm dưới nền sân;

- Biển tên công trình: Móng xây đá hộc vữa xi măng mác 100, tường biển xây gạch không nung vữa xi măng mác 75, giằng chân tường bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); bề mặt tường ốp đá granite;

- Tường rào hoa sắt: Chiều dài khoảng 139,26m; móng xây đá hộc vữa xi măng mác 100, chân tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 75, bề mặt ốp gạch trang trí; giằng chân tường bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); hoa sắt bằng thép hộp tổ hợp hàn, sơn 3 nước chống rỉ;

- Tường rào xây: Chiều dài khoảng 84,4m; móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75, tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng, bề mặt lăn sơn 3 nước trực tiếp; giằng chân tường bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200);

- Sân, đường nội bộ: Diện tích khoảng 1.170m², các lớp cấu tạo: Bê tông cấp độ bền B15 (mác 200) dày 20cm/lớp đệm cát đen tạo phẳng dày 2cm/lớp đá dăm tiêu chuẩn dày 10cm/đất san nền đầm chặt. Vị trí đường nội bộ bố trí khe co giãn bằng dây gai tấm nhựa đường nóng, khoảng cách 5m/khe co.

8.4.3. Các nội dung khác: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Quy chuẩn

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 02-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;
- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công

trình phục vụ thiết kế xây dựng;

- QCVN 06-2022/BXD: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; Quy chuẩn sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 07-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 12-2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và công trình công cộng;

- QCVN 10-2024/BXD: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng;

- QCVN 18-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng;

- QCVN 16-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

- QCVN 09-2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- QCVN 01-2020/BCT: Quy chuẩn quốc gia về an toàn điện.

9.2. Tiêu chuẩn khảo sát, thí nghiệm

- TCVN 4419-1987: Khảo sát xây dựng-Nguyên tắc cơ bản;

- TCXD 112-1984: Hướng dẫn thực hành khảo sát đất xây dựng bằng thiết bị mới (*thiết bị do PNUD đầu tư*) và sử dụng tài liệu thiết kế công trình;

- TCVN 9398-2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình-Yêu cầu chung;

- TCVN 9401-2012: Tiêu chuẩn đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa xây dựng- yêu cầu chung;

- TCVN 9402-2012: Chỉ dẫn kỹ thuật công tác khảo sát địa chất công trình cho xây dựng vùng Các-tơ;

- TCVN 9437-2012: Khoan thăm dò địa chất công trình;

- TCVN 2683-2012: Đất xây dựng-Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu đất;

- TCVN 4195-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm;

- TCVN 4196-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định độ ẩm và hút ẩm của đất trong phòng thí nghiệm;

- TCVN 4197-2012: Đất xây dựng- Phương pháp xác định giới hạn dẻo

và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm;

- TCVN 4198-2014: Đất xây dựng-Các phương pháp xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm;

- TCVN 4199-1995: Đất xây dựng-Phương pháp xác định sức chống cắt ở máy cắt phẳng phòng thí nghiệm;

- TCVN 9351-2012: Đất xây dựng-Phương pháp thí nghiệm hiện trường-Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT;

- TCVN 4200-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định tính nén lún phòng thí nghiệm;

- TCVN 4202-2012: Đất xây dựng-Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm.

9.3. Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 2622-1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình-Yêu cầu thiết kế;

- TCXDVN 333-2005: Chiều sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4732-2007: Đá ốp, lát đá tự nhiên;

- TCVN 8053-2009: Tấm lợp dạng sóng- Yêu cầu thiết kế và hướng dẫn lắp đặt;

- TCVN 5573-2011: Kết gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;

- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;

- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ - phần 2 cửa kim loại;

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

- TCVN 4601-2012: Công sở cơ quan hành chính nhà nước-Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 4447-2012: Công tác đất-thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;

- TCVN 9206-2012: Lắp đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9207-2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình

công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5928-2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình xây dựng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;

- TCVN 9373- 2012: Thiết bị trong hệ thống phân phối cáp tín hiệu truyền hình- Yêu cầu về tương thích điện từ;

- TCVN 10251-2013: Thiết kế, lắp đặt hệ thống cáp thông tin trong các tòa nhà- Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;

- TCVN 11231-2015 (ISO 5002-2013): Thép lá cacbon cán nóng và cán nguội mạ kẽm điện phân chất lượng thương mại và dập vuốt;

- TCVN 4732-2016: Đá ốp, lát đá tự nhiên;

- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 6525-2018: Thép cacbon tấm mỏng chất lượng kết cấu được mạ kẽm và hợp kim kẽm-sắt nhúng nóng liên tục;

- Tiêu chuẩn 10355-2018: Thép các bon tấm mỏng chất lượng thương mại và chất lượng dập vuốt mạ kẽm và hợp kim kẽm-sắt nhúng nóng liên tục;

- Bộ tiêu chuẩn TCVN 1651-2018: Thép cốt bê tông;

- TCVN 13456-2022: Phòng cháy chữa cháy-phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn-yêu cầu thiết kế, lắp đặt;

- TCVN 5687-2022: Thông gió và Điều hoà không khí- Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 13606-2023: Cấp nước-mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế;

- TCVN 2737-2023: Tiêu chuẩn tải trọng và tác động;

- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn IEC 60364: Lắp đặt điện trong công trình xây dựng;

- TCVN 7026-2025: Chữa cháy-bình chữa cháy xách tay-tính năng và cấu tạo;

- TCVN 3890-2023: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 35.500,0 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	5.500,000	triệu đồng;
- Chi phí xây dựng	23.360,521	triệu đồng;
- Chi phí thiết bị	1.601,540	triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án	722,652	triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	2.406,266	triệu đồng;
- Chi phí khác	329,206	triệu đồng;
- Chi phí dự phòng	1.579,816	triệu đồng;

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025-2027.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Vốn ngân sách tỉnh	Tổng cộng
2025	35.000,0	35.000,0
2026-2027	500,0	500,0

13. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố trực thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức quản lý dự án đảm bảo theo quy định.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không có.

15. Các nội dung khác: Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La (chủ đầu tư)

- Rà soát, hoàn thiện các nội dung theo Thông báo kết quả thẩm định số 3505/SXD-QLXD ngày 11/9/2025 của Sở Xây dựng để đảm bảo các quy định của pháp luật trước khi triển khai các các nội dung tiếp theo.

- Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê

duyet; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

2. Sở Xây dựng: Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các nội dung, đề xuất, số liệu trong Thông báo kết quả thẩm định và nội dung trình phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La; Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin - VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Chủ đầu tư 5 bản;
- Lưu: VT, KGVX, Bắc.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân